TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày 26-9-2024
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Túy.

Bà Nguyễn Thị Đoan.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐHPT-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP H (M).
Địa chỉ: E N, phường L, quận Đ, TP Hà Nội
-***Người đại diện theo pháp luật***: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng Giám đốc.
-***Người đại diện theo ủy quyền***: Ông Hoàng Văn P - Chuyên viên phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân.
-***Bị đơn***: Anh Tô Bá A, sinh năm 1993.
-***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1997.
Đều cư trú: Tổ A, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa ông Hoàng Văn P - đại diện nguyên đơn trình bày: Anh Tô Bá A và chị Phạm Thị T là vợ chồng. Ngày 22/12/2021 anh Tô Bá A đã ký hợp đồng tín dụng số 05323/HĐTD vay tiền của Ngân hàng TMCP H (M) số tiền 240.000.000đồng về để tiêu dùng phục vụ đời sống. Thời hạn vay 12 tháng, lãi xuất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần 18%/năm, lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức vay là tín chấp (*không có tài sản đảm bảo*). Cùng ngày 22/12/2021 giữa ngân hàng M và anh Anh chị T đã ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng, theo đó trường hợp anh A không trả được nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận đã ký thì chị T cam kết có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký giữa anh A với M.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với MSB kể từ ngày 20/12/2022 mặc dù M đã đôn đốc nhưng anh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho MSB và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày 27/9/2024 anh A còn nợ MSB số tiền nợ gốc là 236.957.845 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.231.027đồng; nợ lãi quá hạn: 113.592.465đồng; Tổng là 352.781.337đồng.

MSB đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh A phải có nghĩa vụ trả nợ cho MSB số nợ trên và lãi quá hạn quy định cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng.

Đối với bị đơn là anh Tô Bá A và người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T: Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh A và chị T lên Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh A và chị T vắng mặt trong quá trình tố tụng, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh A và chị T, không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh A và chị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần 1 và lần 2, như vậy bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh A phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng M, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng mà anh A đã ký kết với Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 352.781.337đồng. Gồm: nợ gốc là 236.957.845 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.231.027đồng; nợ lãi quá hạn: 113.592.465đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 28/9/2024 cho đến ngày anh A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ A, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Áp dụng pháp luật giải quyết: Hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng M và anh Tô Bá A được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 22/12/2021 anh Tô Bá A đã ký hợp đồng tín dụng số 05323/HĐTD/2021 vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần H (M) số tiền 240.000.000đồng về để tiêu dùng phục vụ đời sống sinh hoạt. Thời hạn vay 12 tháng, lãi xuất 18%/1năm, lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức vay tiền không có tài sản đảm bảo. Cùng ngày 22/12/2021 giữa ngân hàng M và anh Anh chị T đã ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng, theo đó trường hợp anh A không trả được nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận đã ký thì chị T cam kết có nghĩa vụ, trách nhiệm thựa hiện nghĩa vụ trả nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký giữa anh A với M.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh A thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và trả nợ lãi trong đó đã trả nợ gốc 3.042.155 đồng và 39.149.645đồng tiền lãi. Đến ngày 20/12/2022 anh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận ký kết trước đó với Ngân hàng M. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M ra Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ yêu cầu anh A phải trả số tiền gốc còn nợ là 236.957.845 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu trả nợ lãi, lãi quá hạn (lãi chậm trả): Theo các Hợp đồng tín dụng trên, ngày 20/12/2022 anh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy kể từ ngày 20/12/2022 khoản vay của anh Anh Ngân hàng đã tính lãi xuất quá hạn kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay phía Ngân hàng yêu cầu anh A phải trả tiền lãi, lãi chậm trả của khoản nợ gốc còn nợ nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024

lãi trong hạn là 2.231.027 đồng; lãi chậm trả là 113.592.465 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Anh A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần H (M) về việc giao kết Hợp đồng tín dụng số 05323/HĐTD/2021 ngày 22/12/2021với anh Tô Bá A.

2. Buộc anh Tô Bá A phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H số tiền nợ gốc còn lại là: 236.957.845 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 27/9/2024 gồm: lãi trong hạn là 2.231.027 đồng; lãi chậm trả là 113.592.465 đồng. Tổng số tiền là: 352.781.337đồng (*ba trăm năm mươi hai triệu bẩy trăm tám mốt ngàn ba trăm ba bẩy đồng*)

Kể từ ngày 28/9/2024 anh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì chị Phạm Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay anh A cho đến khi thực hiện thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ theo văn bản đồng thuận vay vốn và cùng trả nợ ký ngày 22/12/2021.

3. Về án phí:

Anh A phải chịu 17.639.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng M số tiền 6.950.000đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004770 ngày 25/6/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Bình.
-VKSND tỉnh Thái Bình
-VKSND huyện Quỳnh Phụ.
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
-Những người tham gia tố tụng.
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC